TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/10/2018
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di.

2. Bà Trần Thị Hà.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: ông Thanh Lê Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2018/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu phố 14, thị trấn P, huyện W, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu phố 14, thị trấn P, huyện W, tỉnh Bình Thuận

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà không có tình cảm với ông Nguyễn Văn N nhưng vì gia đình nên bà mới đồng ý cưới ông N. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho bà và ông N, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P vào năm 2004 theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 82, sau khi cưới thì bà về nhà ông N sống cho tới nay. Cuộc sống vợ chồng từ lúc cưới đến nay không hạnh phúc do bà không có tình cảm với ông N và ông N là người hay ghen tuông, nghi ngờ bà đem tiền của vợ chồng về cho cha mẹ bà. Bà L đã bỏ qua, tha thứ để tiếp tục sống với ông N nhưng ông vẫn không thay đổi tính cách, bà L đã nhiều lần làm đơn ly hôn nhưng được Tòa án động viên và gia đình hòa giải nên bà rút đơn quay về tiếp tục sống với ông N. Nhưng đến nay bà L cảm thấy cuộc sống hôn nhân quá ngột ngạt, bà không thể chung sống với ông N được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: bà L và ông N có 06 người con chung:

- Nguyễn F, sinh ngày 28/11/2001

- Nguyễn Thị F1, sinh ngày 12/6/2003

- Nguyễn F2, sinh ngày 10/6/2005

- Nguyễn Thị F3, sinh ngày 02/6/2008

- Nguyễn Thị Ngọc F4, sinh ngày 21/10/2010

- Nguyễn Thị F5, sinh ngày 15/11/2014

Bà L xin nhận nuôi hết các con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông N theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông N vẫn cố tình vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay ông Nghi cũng vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chỉ làm việc được với ông N một lần vào ngày 26/7/2018, tại biên bản lời khai ngày 26/7/2018, ông N cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa ông và bà L vẫn hạnh phúc, ông không đồng ý ly hôn với bà L, các vấn đề khác về con chung, tài sản chung, nợ chung ông không có ý kiến

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim L đối với ông Nguyễn Văn N, đề nghị Hội đồng xét xử giao các con chung Nguyễn F (sinh ngày 28/11/2001), Nguyễn Thị F1 (sinh ngày 12/6/2003), Nguyễn F2 (sinh ngày 10/6/2005), Nguyễn Thị F3 (sinh ngày 02/6/2008), Nguyễn Thị Ngọc F4 (sinh ngày 21/10/2010), Nguyễn Thị F5 (sinh ngày 15/11/2014) cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn N không thực hiện theo các giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải mà không có lý do chính đáng. Qua xác minh, Tòa án xác định địa chỉ của ông N mà nguyên đơn cung cấp là đúng với thực tế và đã tiến hành việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông N nhưng do ông N vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N được xác lập là hợp pháp mặc dù bà L khai nhận là bà không có tình cảm với ông N, bà đồng ý cưới ông N chỉ là vì gia đình ép buộc nhưng sau quá trình chung sống thì giữa bà và ông N đã có 6 người con thể hiện giữa bà và ông N sau quá trình chung sống với nhau đã phát sinh tình cảm vợ chồng. Bà L và ông N có đăng ký kết hôn và đã được UBND thị trấn P cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 82 vào năm 2004.

Theo các chứng cứ thu thập được thì trong quá trình chung sống, bà L và ông N thường xuyên mâu thuẫn gây gỗ nhau về các vấn đề thường nhật trong cuộc sống, bà L còn có mẫu thuẫn gay gắt với mẹ chồng không thể hòa giải được. Bà L đã nhiều lần làm đơn ly hôn đến Tòa án nhưng được hòa giải và vợ chồng trở về đoàn tụ. Nhưng đến nay, ông N vẫn không thay đổi, vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn, bà L xác định hôn nhân của bà và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông N.

[3] Về con chung: bà L và ông N có 06 người con chung: Nguyễn F, sinh ngày 28/11/2001; Nguyễn Thị F1, sinh ngày 12/6/2003; Nguyễn F2, sinh ngày 10/6/2005; Nguyễn Thị F3, sinh ngày 02/6/2008; Nguyễn Thị Ngọc F4, sinh ngày 21/10/2010; Nguyễn Thị F5, sinh ngày 15/11/2014. Bà L có nguyện vọng được nhận nuôi các con và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không làm việc được với Nguyễn F và Nguyễn Thị F1 do Thương và Linh dù chưa đủ 18 tuổi nhưng đã tự tham gia lao động để nuôi bản thân và đi làm ăn xa nên không thể hiện nguyện vọng sẽ sinh sống với ai nếu cha mẹ mình ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa ông N vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án ông không thể hiện yêu cầu nuôi dưỡng con sau ly hôn nên giao các con cho bà L nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Khanh là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim L đối với ông Nguyễn Văn N, bà L được ly hôn với ông N.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao các con chung Nguyễn F (sinh ngày 28/11/2001), Nguyễn Thị F1 (sinh ngày 12/6/2003), Nguyễn F2 (sinh ngày 10/6/2005), Nguyễn Thị F3 (sinh ngày 02/6/2008), Nguyễn Thị Ngọc F4 (sinh ngày 21/10/2010), Nguyễn Thị F5 (sinh ngày 15/11/2014) cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng tự lao động, có tài sản riêng để tự nuôi bản thân. Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Bà L không được ngăn cản ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà L đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0019253 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà L đã nộp đủ án phí.

4/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/10/2018), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn P;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Trí